



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Hotline: 0866 992 688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025:2017:10559 Vincerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06802/2025/PKQ/25.4259

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng Công ty Cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà  
Địa chỉ Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam  
Thông tin mẫu Tuyên ông cấp 2 số 3 Quốc Lộ 32 Hoài Đức, Hà Nội (Thời gian Ngày 16/10/2025)  
Loại mẫu Nước sinh hoạt  
Ngày nhận mẫu 16/10/2025  
Thời gian thử nghiệm 16/10/2025 - 27/10/2025

II. KẾT QUẢ

| TT                  | Thông số                                                           | Đơn vị    | Phương pháp phân tích | Kết quả          | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------|------------------|--------------------|
| Các thông số nhóm A |                                                                    |           |                       |                  |                    |
| 1                   | Coliform <sup>(+)</sup>                                            | CFU/100mL | TCVN 6187-1:2019      | KPH (LOD=1)      | < 1                |
| 2                   | E.Coli <sup>(+)</sup>                                              | CFU/100mL | TCVN 6187-1:2019      | KPH (LOD=1)      | <1                 |
| 3                   | Màu sắc <sup>(+)</sup>                                             | TCU       | SMEWW 2120C:2023      | KPH (LOD=3)      | 15                 |
| 4                   | Mùi <sup>(+)</sup>                                                 | Cảm quan  | HD.QT.08-01-W89       | Không có mùi lạ  | Không có mùi lạ    |
| 5                   | pH <sup>(+)</sup>                                                  | -         | TCVN 6492:2011        | 7,1              | 6 ÷ 8,5            |
| 6                   | Độ đục <sup>(+)</sup>                                              | NTU       | SMEWW 2130B:2023      | KPH (LOD=0,2)    | 2                  |
| 7                   | Asen (As) <sup>(+)</sup>                                           | mg/L      | US EPA Method 6020A   | KPH (LOD=0,0005) | 0,01               |
| 8                   | Clo dư tự do <sup>(+)</sup>                                        | mg/L      | TCVN 6225-2:2012      | 0,25             | 0,2 ÷ 1            |
| 9                   | Chỉ số pecmanganat <sup>(+)</sup>                                  | mg/L      | TCVN 6186:1996        | KPH (LOD=0,2)    | 2                  |
| 10                  | Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) <sup>(+)</sup> | mg/L      | TCVN 6179-1:1996      | KPH (LOD=0,03)   | 1                  |

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huế



Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

VIỆN TRƯỞNG

TS. Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.